TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **112**/2024/DS-ST
Ngày 08-05-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoài Phương**
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đức Lưu**
Ông **Phạm Bá Xuân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thanh Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Mai Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2024/TLST-DS ngày 11/03/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-DS ngày 01/04/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-HPT ngày 16/04/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng T;** Địa chỉ trụ sở: Số 266 – 268 N, Phường S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Đại L - Nhân viên (theo văn bản ủy quyền số 1497 ngày 13/3/2024)

(Ông L có mặt tại phiên tòa).

* Bị đơn: Bà **Lê Hoài A,** sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 6 ngõ 67 X, phường Y, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(Bà Hoài A vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn - Ngân hàng T trình bày:

Ngày 04/04/2018, bà Lê Hoài A có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Lê Hoài A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Platinum Cashback với hạn mức sử dụng là 50,000,000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Hoài A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 2,116,018,000đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Hoài A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2,082,246,000 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Hoài A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Hoài A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi quá hạn: 3.6%/tháng = 2.4%/tháng x 150%.

Tính đến ngày 08/05/2024, bà A còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: **57,217,902** đồng (*Năm mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn, chín trăm linh hai đồng*). Lãi quá hạn: **43,393,752 đồng** *(Bốn ba triệu, ba trăm chín ba nghìn, bảy trăm năm hai nghìn đồng).* Tổng cộng: **100,611,654 đồng** (*Một trăm triệu, sáu trăm mười một nghìn, sáu trăm năm bốn đồng*).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Hoài A có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng T kính đề nghị Quý Tòa xét xử:

1. Buộc bà Lê Hoài A phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 08/05/2024 là **100,611,654 đồng(***Một trăm triệu, sáu trăm mười một nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng*). Trong đó: nợ gốc: 57,217,902 đồng (*Năm mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn, chín trăm linh hai đồng*). Lãi quá hạn: 43,393,752 đồng *(Bốn mươi ba triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng).*

2. Và bà Lê Hoài A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 09/05/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

3. Buộc bà Lê Hoài A phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn – bà Lê Hoài A không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu giao nộp văn bản ý kiến trình bày quan điểm, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ.*

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn - Ngân hàng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xét xử: Buộc bà Lê Hoài A thanh toán theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/04/2018, được phê duyệt cấp tín dụng ngày 05/04/2018" tổng số nợ gốc lãi là **100,611,654 đồng** (*Một trăm triệu, sáu trăm mười một nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng*). Trong đó: nợ gốc: 57,217,902 đồng (*Năm mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn, chín trăm linh hai đồng*). Lãi quá hạn: 43,393,752 đồng *(Bốn mươi ba triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng).*

Kể từ ngày 09/05/2024, bà Lê Hoài A còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T.

**** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định; về thời hạn chuẩn bị xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều đã được tống đạt hợp lệ về phiên tòa nên việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc buộc bà Lê Hoài A thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và lãi theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Hoài A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/04/2018, được phê duyệt cấp tín dụng ngày 05/04/2018" xảy ra giữa Ngân hàng T và bà Lê Hoài A là tranh chấp giữa một bên doanh nghiệp có tư cách pháp nhân với một bên là cá nhân vay với mục đích tiêu dùng nên xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn - bà Lê Hoài A, sinh năm 1985; đang ở tại số 6 ngõ 67 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng :

Toà án đã tống đạt hợp lệ, giấy triệu tập đến phiên toà lần thứ 2 cho bị đơn - bà Lê Hoài A nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Hoài A vắng mặt không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn – bà Hoài A không có mặt không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Xét "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/04/2018, được phê duyệt cấp tín dụng ngày 05/04/2018" được ký kết bởi đại diện hợp pháp của Phòng giao dịch Phan Đình Phùng Ngân hàng T – Chi nhánh Thủ Đô với bà Lê Hoài A trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên, có mục đích và nội dung, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có giá trị thi hành.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, bà Lê Hoài A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 2,116,018,000 đồng; tính đến ngày 15/04/2022, bà Lê Hoài A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2,082,246,000 đồng. Sau đó, bà Hoài A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 16/08/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng T yêu cầu bà Hoài A phải thanh toán số nợ gốc còn lại tính đến ngày 08/05/2024 là 57,217,902 đồng là không có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Lê Hoài A phải trả cho Ngân hàng T khoản nợ gốc tính đến ngày 08/05/2024 là 57,217,902 đồng (*Năm mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn, chín trăm linh hai đồng*).

[3.2]. Xét về lãi suất mà hai bên thỏa thuận theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng".

Xét, theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối với các hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/07/2019 thì bên vay phải chịu: lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Do đó, đối chiếu với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất thấy: Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".* Tại Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: *"Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam".* Theo Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng có quy định: *"Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thoả thuận với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả".* Xét thấy căn cứ trên bản kê tính lãi của nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa, lãi suất để tính lãi phát sinh phù hợp với quy định của pháp luật; về khoản phí trễ hạn, phí vượt hạn mức và phí của thẻ Visa Credit Platinum Cashback, số thẻ 436438 - 4379, về lãi quá hạn, các bên thỏa thuận bằng

150% lãi trong hạn là phù hợp với Quy chế cho vay 1627 nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng đã xuất trình đầy đủ các căn cứ về việc điều chỉnh lãi suất, phù hợp với quy định của pháp luật Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu đòi lãi của nguyên đơn. Buộc bà Lê Hoài A phải thanh toán nợ lãi quá hạn là: 43,393,752 đồng *(Bốn mươi ba triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng).*

[3.3]. Như vậy, buộc bà Lê Hoài A phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 08/05/2023 là: **100,611,654 đồng** (*Một trăm triệu, sáu trăm mười một nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng*). Trong đó: nợ gốc: 57,217,902 đồng (*Năm mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn, chín trăm linh hai đồng*). Lãi quá hạn: 43,393,752 đồng *(Bốn mươi ba triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng).*

[3.4]. Kể từ ngày 09/05/2024 bà Lê Hoài A còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/04/2018, được phê duyệt cấp tín dụng ngày 05/04/2018" cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T.

[4] Về án phí:

Do nguyên đơn Ngân hàng T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Bà Lê Hoài A phải chịu án phí là 5,030,583 đồng (*Năm triệu, không trăm ba mươi nghìn, năm trăm tám ba đồng)* tương ứng với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 100,611,654 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật lãi, lãi suất và phạt vi phạm.

- Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng T đối với bà Lê Hoài A.

2. Buộc bà Lê Hoài A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/04/2018, được phê duyệt cấp tín dụng ngày 05/04/2018". Tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 08/05/2024 là: **100,611,654 đồng**(*Một trăm triệu, sáu trăm mười một nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng*). Trong đó: nợ gốc: 57,217,902 đồng (*Năm mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn, chín trăm linh hai đồng*). Lãi quá hạn: 43,393,752 đồng *(Bốn mươi ba triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng).*

Kể từ ngày 09/05/2023 bà Lê Hoài A còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/04/2018, được phê duyệt cấp tín dụng ngày 05/04/2018" cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp Ngân hàng T có sự điều chỉnh mức lãi suất cho vay định kỳ theo quy định của Ngân hàng thì lãi suất mà bà Lê Hoài A phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Hoài A phải chịu án phí là 5,030,583 đồng (*Năm triệu, không trăm ba mươi nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng)*

- Ngân hàng T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.557.470 đồng (*Một triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005004 ngày 11/03/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Lê Hoài A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố HN;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND Q.Ba Đình;
- Chi cục Thi hành án Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Phương